

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

VỊ THẾ CỦA PHẬT GIÁO TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

TRẦN THỊ KIM OANH^(*)

Với tư cách là một hình thái của kiến trúc thượng tầng, xét đến cùng tôn giáo chịu sự quyết định của kinh tế. Tuy nhiên, tôn giáo cũng không thụ động. Nó đã, đang và sẽ còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống văn hóa, xã hội, kinh tế... thậm chí tới cả thể chế chính trị của các quốc gia.

Phật giáo với tư cách là một tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, nên trong giai đoạn hiện nay khi mà vấn đề toàn cầu hóa và tác động của nó đối với sự phát triển văn hóa và con người Việt Nam thì Phật giáo đóng vai trò gì đối với sự phát triển này? Tôi xin có đôi điều suy tư của mình trên nền Phật giáo Việt Nam trước thách thức của thời đại dưới 2 vấn đề chính sau:

1. Vai trò của Phật giáo trong lịch sử Việt Nam

Muốn xác định vai trò của Phật giáo đối với sự phát triển văn hóa Việt Nam trong tiến trình hội nhập với văn hóa thế giới, trước hết cần thống nhất nhận thức về bản chất Phật giáo, về vai trò và vị thế Phật giáo trong các thời kì lịch sử cũng như chính khả năng thâm nhập, tác động, chi phối của Phật giáo đối với đời sống, xã hội của dân tộc.

Chúng ta đều biết rằng, người sáng lập đạo Phật là Thái tử Tất Đạt Đa, Đức

Thích Ca Mâu Ni (563-483 Tr. CN). Phật giáo nhằm lí giải những thách đố triết học trừu tượng muôn thuở như bản chất sự sống, lẽ sinh tử, con người đến từ đâu và đi về đâu, con người là gì giữa cõi tạm trăm năm và trước cái vô cùng vô tận của không gian và thời gian; và rồi Phật giáo nhắm tới giải quyết mối quan hệ giữa khả năng nhận thức và phương tiện hành đạo, giữa những mâu thuẫn trong xã hội và mơ ước đạt tới hạnh phúc trước thách thức những “tham, sân, si, hỉ, nộ, ái, ố” của cuộc đời và trong vòng chuyển hóa thời gian quá khứ - hiện tại - vị lai của mọi kiếp chúng sinh. Phật giáo cổ điển mặc dù có những hạn chế nhất định, nhưng sức lan tỏa của nó thật mạnh mẽ. Ngày nay, ở Phương Tây có hàng triệu Phật tử với đủ các tông phái. Các thuộc tính điều hòa, dung nạp và giản dị của Phật giáo giúp Phật giáo mở được nhiều con đường vào đời sống con người thuộc nhiều dân tộc khác nhau. Cái đặc sắc của Phật giáo có lẽ là ở giáo lí “Phật tại tâm” hay “tu tại tâm”. Chính giáo lí “mềm” và “mở” đã quán xuyên tính thống nhất của đạo Phật dù là có rất nhiều tông phái.

^(*). TS., Khoa Triết học, Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn Hà Nội.

Không gì khác hơn, Phật giáo là một bộ phận hiện hữu trong cấu trúc văn hóa - xã hội, trong lịch sử phát triển tư tưởng và nền văn minh của xã hội loài người và tương đồng với những cách hình dung khác, những hệ phái tư tưởng và giáo phái khác; và cũng không có gì khác hơn, trong bản chất, Phật giáo chính là một cách nhận thức, lí giải về thế giới khách quan.

Nhìn vào tổng quan các giá trị mà xét, bản chất Phật giáo là từ bi, trí tuệ; bản nguyện Phật giáo là giác ngộ, giải thoát; bản hạnh Phật giáo là hòa bình, giáo dục và từ thiện. Từ những tính chất thiết thực ấy giúp Phật giáo Việt Nam phát huy chức năng nhập thế, hòa mình vào nền văn hóa bản địa.

Cội nguồn của nền văn hóa nội sinh Việt Nam là văn minh nông nghiệp lúa nước. Đời sống người Việt gắn bó với cỏ cây, sông nước, rừng biển, chịu ảnh hưởng của khu vực nhiệt đới gió mùa. Từ chu kì tuần hoàn của vũ trụ như vậy đã tạo nên lối tư duy của người Việt gắn với nền văn minh lúa nước. Từ thực tế xã hội đó đã tạo nên lối sống hòa hợp với thiên nhiên của con người Việt Nam. Họ yêu sự lành, ghét sự thù, luôn khao khát cuộc sống được bình yên.

Hơn nữa, khi Phật giáo truyền vào Việt Nam (bằng hòa bình không mang theo chính trị) nên nó nhanh chóng được người Việt đón nhận. Bởi lẽ Phật giáo giàu tính nhân bản, rất phù hợp với nền văn hóa bản địa. Trong các câu chuyện cổ tích, khi con người gặp khó khăn thường có Bụt hiện ra cứu giúp (Tắm Cám, Cây tre trăm đốt...). Chúng ta

thấy văn hóa Phật giáo rõ ràng đã ghi dấu ấn của mình trong tư tưởng của người Việt Nam.

Vì lẽ đó mà không ai có thể chối cãi, từ khi đạo Phật du nhập vào Việt Nam, các vị tiên bối đã khai thác tính tích cực của giáo lí để phục vụ cho việc dựng nước và giữ nước của dân tộc. Khi Phật giáo đạt tới mức cực thịnh ở nước ta dưới triều đại nhà Lý, thì nhà nước Đại Việt cũng đạt tới mức cường thịnh chưa từng có trong lịch sử. Các vua nhà Lý lấy đạo Phật làm quốc đạo. Tôn người đạo cao đức trọng nhất trong Giáo hội làm Quốc sư, để vấn kế hưng nước, an dân. Nhờ đó mà kinh tế, văn hóa, đạo đức, xã hội phát triển mạnh mẽ.

Và một khi đã thấm sâu vào tín ngưỡng của nhân dân, Phật giáo sẽ có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa người dân. Các ngôi chùa không chỉ mang yếu tố tâm linh mà trở thành trung tâm văn hóa giáo dục trong các làng xã. Bởi thế mà chùa không phải chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo, mà còn là nhà trường, trạm xá, hội hè... Các em bé đến chùa không phải chỉ để sau này trở thành các tăng sĩ, mà là để học cái chữ, học đạo đức của nhà Phật. Chư tăng không những làm việc tôn giáo mà còn là thầy dạy học hoặc thầy thuốc, hoặc là tấm gương sáng trong văn hóa đạo đức để các em nhỏ noi theo. Đồng thời là người hiểu biết, trong xóm làng chư tăng làm cố vấn cho nông thôn trong nhiều công việc và được nông dân kính trọng. Vì lẽ đó mà rất tự nhiên, trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước, Phật giáo đứng về phía những người yêu

nước. Nhiều tăng sĩ trong hoạt động tôn giáo của mình đã nhen nhóm một tinh thần tự chủ, và có những tín đồ Phật giáo đã trực tiếp lãnh đạo nhân dân đứng lên làm cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Cuộc khởi nghĩa của Lý Phật Tử cuối thế kỉ VI, đầu thế kỉ VII là ví dụ. Như vậy là Phật giáo Việt Nam, trong những bước phát triển đầu tiên, đã nhập thân vào dân tộc. Chính vì vậy mà người Việt Nam không ngạc nhiên khi thấy trong lịch sử, vua Lý Nam Đế, khi xây dựng một nhà nước độc lập ngắn ngủi vào thế kỉ VI, đã cho xây ngôi chùa có tên là Khai Quốc, nghĩa là “mở nước”⁽¹⁾.

Do vai trò của Phật giáo trong lòng văn hóa dân tộc như vậy, nên khi nền độc lập của Việt Nam được giành lại trong thế kỉ X, Phật giáo đã có một vị thế to lớn trong xã hội. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV là giai đoạn phát triển cực thịnh của Phật giáo Việt Nam, mà đỉnh cao là trong hai triều đại Lý (1010 - 1225) và Trần (1225 - 1400), Phật giáo trở thành quốc giáo. Nhiều cao tăng đã trở thành cố vấn cho nhà vua trong công việc đối nội và đối ngoại. Nhiều vị vua tin sùng Phật giáo, sau khi truyền ngôi cho con, đã xuất gia tu hành. Phần lớn quan lại quý tộc cũng là tín đồ Phật giáo.

Chùa tháp mọc lên khắp nơi trong nước. Ở những tỉnh miền núi của Việt Nam như Yên Bái, Lào Cai, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Hà Giang, các nhà khảo cổ học đã tìm được di tích những ngôi chùa cổ trong thời kì này. Điều đó có nghĩa là lúc bấy giờ Phật giáo không chỉ thâm nhập ở đồng bằng mà còn len lỏi vào cả các dân tộc thiểu số trên khắp đất nước

Việt Nam. Phật giáo đã lan tỏa rộng và sâu trong các làng xã.

Nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam hiện nay cho rằng, đình là ngôi nhà chung của cư dân làng xã mà ở đó thường tiến hành những sinh hoạt cộng đồng, chỉ xuất hiện về sau này. Còn trong thời kì trước (thế kỉ XIV đổ lại), chưa có đình, nên chùa là nơi sinh hoạt cộng đồng của cư dân làng xã. Như vậy, trong giai đoạn này, chùa không chỉ là nơi tiến hành các sinh hoạt tôn giáo mà cũng như đình sau này, chính là nơi sinh hoạt văn hóa của dân làng xã. Làng xã Việt Nam bao giờ cũng là nơi ấp ủ sức sống của văn hóa truyền thống, văn hóa dân tộc đã tiếp xúc với văn hóa Phật giáo.

Đặc biệt từ sau thế kỉ X, cùng với việc giành lại chủ quyền đất nước, văn hóa Việt Nam bước vào một thời kì phát triển rực rỡ, bùng lên như một cuộc hồi sinh hay phục hưng. Đặc điểm của nền văn hóa trong giai đoạn này (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV) là biểu hiện một ý thức dân tộc cao. Và Phật giáo Việt Nam cũng đã đóng một vai trò không nhỏ trong thời kì này.

Có thể nói rằng, văn hóa Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính Phật giáo. Nhưng hai đặc điểm này hoàn toàn không mâu thuẫn nhau.

Như đã nói ở trên, Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc bảo vệ nền độc lập chủ quyền dân tộc, nên khi đất nước thái bình, các tăng sĩ vẫn mang trong mình một ý thức quốc

1. Chùa Khai Quốc là tiền thân của chùa Trấn Quốc ngày nay ở Hà Nội.

gia mạnh mẽ. Nhiều cao tăng như Khuông Việt Đại sư (tên hiệu này có nghĩa là “giúp nước Việt”), Vạn Hạnh, Pháp Thuận đã thực sự tham gia hoạt động chính trị với mục đích giữ gìn một Nhà nước độc lập mới được xây dựng. Phật giáo thời kì này mang một màu sắc nhập thế rõ ràng, hay nói cho đúng và đủ thì Phật giáo có nhiều chiều hướng phục vụ quốc gia dân tộc.

Chuyển sang giai đoạn lịch sử từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XIX, Phật giáo Việt Nam phát triển trong điều kiện và hoàn cảnh xã hội mới. Tuy rằng Phật giáo ở từng thời kì và từng vùng miền cụ thể có những đặc điểm và mức độ phát triển khác nhau, nhưng điều dễ nhận thấy là cho dù các vương triều nào, trong giai đoạn lịch sử nào nếu như có dựa hẳn vào hệ tư tưởng Nho giáo để xây dựng thiết chế mô hình xã hội phong kiến và hệ tư tưởng Phật giáo có trở thành thứ yếu trong hoạt động xã hội, thì dường như Phật giáo lại trở nên linh thiêng hơn trong đời sống tâm linh và tâm thức giới Nho sĩ, đặc biệt lan tỏa sâu rộng trong tầng lớp bình dân và các miền quê, từ đó tạo nên xu thế dung hòa trong nhận thức: “đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”. Điều quan trọng hơn, ngay cả các bậc vua chúa, quan lại và giới tri thức Nho sĩ hiểu biết hầu như trong các thời đại đều đã tìm về Phật giáo như một lối giải thoát và coi đây là một cách “gạn đục khơi trong” trước cuộc đời đầy bất công ngang trái.

Như vậy, Phật giáo đã khẳng định được vị thế của mình trong nền văn hóa dân tộc. Với tư cách là một phương diện

văn hóa, Phật giáo có khả năng thâm nhập vào nhiều mặt của đời sống xã hội như: chính trị, văn học, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội... Khi tinh thần Phật giáo nhuần thấm thành những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể phổ quát trong nhân gian thì sẽ có được sức sống mạnh mẽ, khắp các vùng miền và làng quê trong cả nước đều có những công trình văn hóa Phật giáo hữu thể, các ngôi cổ tự gắn liền những vần thơ du ngoạn, để vịnh cảnh chùa.

Kể từ thế kỉ XX đến nay, nền văn hóa dân tộc Việt Nam có những thay đổi hết sức căn bản và theo đó bản thân Phật giáo cũng vận động theo xu thế vừa dân tộc, vừa hiện đại hóa, bắt nhịp và dung hòa với đời sống tinh thần, tinh thần thế giới hiện đại.

Thực tế cho thấy Phật giáo Việt Nam từ thế kỉ XX đã có những đóng góp vô cùng to lớn cho nền văn hóa dân tộc - hiện đại. Trong triển vọng phát triển chung của tôn giáo thế giới, Phật giáo Việt Nam cùng đồng hành hướng tới giải quyết những nhiệm vụ cơ bản đặt ra với con người hiện đại.

Qua suốt thế kỉ, các cơ sở hành đạo đã thống nhất mục tiêu xây dựng một nền Phật giáo dân tộc, trực tiếp tham gia vào cuộc cách mạng của dân tộc, đặc biệt với dân tộc, tầng lớp tăng sĩ và Phật tử trong cả nước đã đoàn kết chống chế độ Ngô Đình Diệm, hướng tới giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

Phải nói rằng, giá trị của văn hóa Phật giáo luôn giữ một vị thế to lớn trong tổng thể văn hóa Việt Nam. Sự

hiện hữu của Phật giáo qua mấy nghìn năm lịch sử góp phần làm nên bản sắc của dòng giống Lạc Hồng. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt trong công tác làm từ thiện xã hội, quảng bá hình ảnh Việt Nam, Phật giáo đã có những đóng góp đáng kể.

2. Vai trò của Phật giáo trong văn hóa hiện nay

Có thể khẳng định bước vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, hội nhập vào xu thế toàn cầu hóa, yêu cầu hiện đại hóa nền văn hóa dân tộc càng trở nên cấp thiết.

Việt Nam đã và đang hội nhập với thế giới về các mặt chính trị, kinh tế, an ninh, văn hóa, giáo dục... và thu được nhiều kết quả. Bên cạnh việc hội nhập kinh tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng rất coi trọng hội nhập văn hóa. Cho đến nay, Việt Nam đã kí kết 242 điều ước quốc tế và khu vực trong đó 84 điều ước hiện đang có hiệu lực; kí kết và gia nhập 13 điều ước quốc tế nhiều bên trong lĩnh vực văn hóa. Trong quá trình hội nhập văn hóa, chúng ta đã làm được một số việc quảng bá văn hóa Việt Nam với thế giới. Hội nhập văn hóa chính là toàn cầu hóa văn hóa. Và toàn cầu hóa văn hóa bao giờ nó cũng có hai mặt của nó: một mặt toàn cầu hóa làm cho con người xích lại gần nhau hơn, nhưng mặt khác toàn cầu hóa đã làm mất đi bản sắc thậm chí làm tuyệt chủng những nền văn hóa nhược tiểu.

Nhưng toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu không thể cưỡng lại đối với bất cứ

quốc gia nào trên thế giới. Toàn cầu hóa văn hóa cũng là một dòng chảy lớn cuốn hút mọi nền văn hóa cùng hội nhập, cho dù quốc gia nào đó vẫn thực hiện chính sách “bế quan tỏa cảng” cũng không ngăn nổi sự thẩm thấu của dòng chảy toàn cầu hóa văn hóa.

Cho nên vấn đề bản sắc văn hóa của dân tộc luôn là vấn đề cốt lõi đối với vận mệnh của mỗi dân tộc, là hồn cốt của dân tộc, là căn cước để một dân tộc không bị biến mất trên bản đồ thế giới. Nó cũng là sức mạnh để dân tộc đó luôn tự khẳng định được mình, tạo nên nền tảng tinh thần vững chắc của một dân tộc. Nền tảng tinh thần vững chắc đó của dân tộc được xây đắp bởi lực cố kết dân tộc, là sức mạnh tiềm năng của dân tộc.

Nền văn hóa Việt Nam với lịch sử hàng nghìn năm tồn tại và phát triển có sức sống vô cùng mãnh liệt. Nền văn hóa Việt Nam rất kiên cường không chịu khuất phục, không bị đồng hóa sau hơn 1.000 năm Bắc thuộc cho dù từng bị các triều đại phong kiến Phương Bắc thu giữ và đốt sạch các di sản văn hóa. Sau hơn 80 năm Pháp thuộc và 20 năm chịu ảnh hưởng của văn hóa Mỹ, nền văn hóa Việt Nam vẫn ngời sáng và phát triển mạnh mẽ. Tại sao lại như vậy?

Bởi từ lâu, nền văn hóa Việt Nam đã đón nhận các giá trị tinh hoa văn hóa khu vực Đông Nam Á, văn hóa Trung Hoa, văn hóa Ấn Độ. Và sau này là cả văn hóa Phương Tây. Tất cả đã được khúc xạ qua chủ nghĩa yêu nước và những truyền thống văn hóa của dân tộc, được trở thành những giá trị phổ biến trong đời sống tinh thần dân tộc.

Tuy nhiên có thể nói, trong đời sống văn hóa tinh thần không có ảnh hưởng nào mạnh hơn tôn giáo và cũng không có sự quyến rũ nào bằng sự quyến rũ của tôn giáo một khi nó đã đi vào lòng người. Tôn giáo có thể có những nội dung hạn chế, nhưng xét về mặt bản chất thì tôn giáo chính là văn hóa, là một trong những nguồn gốc của văn hóa. Và như vậy ở góc độ Triết học, Văn hóa học Phật giáo đã bén rễ trên mảnh đất Việt và được khúc xạ qua chủ nghĩa yêu nước truyền thống, qua tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và qua triết lí nhân sinh về quan hệ thống nhất giữa con người và tự nhiên, như các bộ phận gắn liền với nhau trong một cơ thể thống nhất làm nên dòng chảy văn hóa Việt Nam. Như phần 1 ở trên đã trình bày, tôi nghĩ rằng, đạo Phật từ Ấn Độ hay từ Trung Quốc du nhập vào Việt Nam đã có đầy đủ điều kiện để thành tựu một sự hội nhập thực sự vào nền văn hóa Việt Nam, vào cuộc sống dân tộc Việt Nam. Về điều kiện thời gian thì như đã biết, Phật giáo có một bề dày lịch sử hơn 20 thế kỉ, một thời gian đủ dài để dân tộc Việt Nam thử thách chọn lọc trong đạo Phật những gì phù hợp nhất cho sự củng cố và phát triển của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, Phật giáo Việt Nam đã trở thành một sợi xoắn quan trọng trong việc bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam không chỉ trong suốt chiều dài lịch sử mà cả hiện nay trước sự hội nhập văn hóa toàn cầu hóa.

Kinh nghiệm đã khắc sâu trong tâm trí chúng ta rằng, càng hội nhập văn hóa sâu rộng, các dân tộc càng phải có ý thức hơn về việc bảo vệ và phát huy

truyền thống văn hóa của dân tộc mình. Những câu hỏi “Ta là ai?”, “Ta từ đâu tới?”, “Ta sẽ đi về đâu trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay?” không thể không được đặt ra. Trả lời các câu hỏi đó chính là tự nhận thức về bản thân mình. Lịch sử Phật giáo Việt Nam cũng chính là lịch sử dân tộc Việt Nam, có truyền thống mấy nghìn năm lịch sử. Đồng hành cùng dân tộc trong suốt mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, văn hóa Phật giáo đã “hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc”. Nhờ tâm hồn, khí phách và bản lĩnh đó, dân tộc ta đã tồn tại, vượt qua bao khó khăn, thử thách của thiên tai và địch họa.

Để hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa, bớt đi những rủi ro, lộn xộn không đáng có, việc tập trung xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần của Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh thì Phật giáo Việt Nam cũng cần tiếp tục phát huy vị thế của mình.

Tôi thiết nghĩ, Phật giáo hay ở chỗ “tùy duyên phương tiện” và cũng xuất phát từ quan niệm của Phật giáo khá tương đồng với tư tưởng của Chủ nghĩa xã hội - con đường mà dân tộc ta đã đi theo. Do vậy, trong giai đoạn hiện nay, Phật giáo vẫn là chỗ dựa vững chắc trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống của dân tộc.

Phải nói Phật giáo là một tôn giáo có sức ảnh hưởng rất lớn trong tâm hồn người Việt. Hệ thống giáo lí “Nhân quả”, “Luân hồi”, “Thiện ác nghiệp báo”... đã trở thành nhận thức truyền thống.

Và như đã biết, Phật giáo luôn chú trọng lấy trí tuệ làm sự nghiệp và đây cũng chính là nền tảng cho sự nghiệp toàn cầu hóa. Hơn nữa, trí tuệ trong Phật giáo lại là trí phát triển cùng với từ bi. Bởi nếu có kiến thức mà không có tình người thì trí tuệ này sẽ không trường tồn. Một trí tuệ thực sự không phải chỉ vì tin vào những gì được dạy, mà phải chứng nghiệm và thông hiểu chân lí và thực tế. Trí tuệ đòi hỏi phải có một tâm ý rộng mở, khách quan, không cố chấp. Con đường của Phật giáo đòi hỏi phải can đảm, chịu đựng, mềm dẻo và thông minh. Thật vậy, giáo lí căn bản của Phật giáo đã lấy tiền đề xuất phát là con người sống hiện hữu. Con người là trọng tâm trong học thuyết văn hóa đạo đức. Và theo Phật giáo, con người phải chịu trách nhiệm về kết quả hành động của chính bản thân mình. Cho nên, Phật giáo đã cho rằng, cái khổ trong cuộc đời là do chính con người gây nên. Và nguyên nhân của khổ là do vô minh và tham dục, nên cũng chính con người phải tự tìm đường giải thoát khổ cho mình, diệt trừ vô minh, tham dục. Sự giải thoát trong Phật giáo là sự tự giải thoát. Đây là điểm tiến bộ và cũng là sự khác biệt rất lớn giữa Phật giáo và các tôn giáo khác. Các tôn giáo hữu thần cũng bàn về con người, về sự hiện hữu của con người và về con đường giải phóng của con người. Nhưng con người trong quan niệm của các tôn giáo hữu thần là con người thụ động, là phiên bản của một đấng siêu nhiên, cho nên giải phóng con người là làm cho người trở về với đấng siêu nhiên. Hay nói khác, với tôn giáo hữu thần, con người là ngã thể khác của đấng

siêu nhiên, nên nó chỉ được giải phóng khi già từ cuộc sống thế tục, khi được nhận cứu vớt của đấng siêu nhiên.

Với Phật giáo, con người là đối tượng của đạo Phật. Bao nhiêu luật, bao nhiêu pháp môn, Đức Phật đều vì con người lập bày. Song, quan niệm của đạo Phật không phải có nhiều của cải, nhiều tình yêu... là con người có hạnh phúc. Hạnh phúc của mọi người là phải biết thành thật thương yêu nhau. Một dân tộc văn minh là một dân tộc biết tôn trọng sinh mệnh của nhau, tôn trọng những quyền tự do căn bản của con người. Vì thế mà Ngũ giới trong đạo Phật chính là nền tảng căn bản đem lại hạnh phúc cho con người, xây dựng con người sống đúng ý nghĩa văn minh của nhân loại. Ngũ giới là cơ bản đạo đức của đạo Phật trên con đường giác ngộ giải thoát. Thiếu căn bản đạo đức này, dù có nói đạo đức cao siêu đến đâu cũng là lối nói xảo rỗng. Chính vì lẽ đó mà Phật giáo ngay từ khi ra đời và truyền vào Việt Nam đã mang trong mình bản chất bao dung. Đây là căn cước cho sự “hội nhập” mà không “hòa tan”. Bởi như đã biết, trước sóng gió hiện nay, khi bước vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập vào xu thế toàn cầu, yêu cầu hiện đại hóa nền văn hóa dân tộc càng trở nên cấp thiết. Bài toán đặt ra ở đây phải phát huy tinh thần bao dung của văn hóa Việt Nam như thế nào?

Bao dung vốn là nét đặc thù của sự vận động và phát triển của văn hóa, của tất cả các nền văn hóa mọi dân tộc. Giữa bản sắc dân tộc và tính bao dung không hề bài xích nhau. Cũng như một con người, văn hóa càng giàu lòng nhân ái

bao nhiêu thì tính bao dung càng cao bấy nhiêu. Thái độ bao dung văn hóa trái hẳn với thái độ kì thị; không phải là thái độ thỏa hiệp vô nguyên tắc, nhắm mắt vào bất cứ cái gì xa lạ ở bên ngoài. Trái lại bao dung văn hóa trước hết tin thì mới dám mở rộng cửa, có tự tin thì mới phân biệt được cái gì tốt, cái gì chưa tốt, cái gì mình đã có và cái gì mình cần có mà chưa có. Về phương diện này, Phật giáo và những giáo lí Phật giáo có ý nghĩa vô cùng to lớn. Nhà nghiên cứu Hans Groehlichen, Chủ tịch Tổ chức Liên minh thế giới về sự phát triển tôn giáo và tâm linh (ICARUS) đã nói: “Lập trường của Phật giáo, họ luôn cho rằng tôn giáo mà họ theo là một giáo lí thực nghiệm chứ không phải một tôn giáo. Nhưng chân lí vẫn bất di bất dịch, với sự thật này chúng tôi công nhận triết học và sự cống hiến của họ là tuyệt vời nhất thế giới, trọng yếu nhất trong sự thách thức và đối mặt với những kỉ nguyên về sau của mỗi cá nhân, mỗi con người trên hành tinh chúng ta”.

Có thể nói, trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù trong lịch sử hay trong thời đại mới của dân tộc thì Phật giáo luôn là hiện thân rực rỡ nhất của sự bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc ta - một tôn giáo rất giàu tình đoàn kết, bác ái, bao dung như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói:

Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái

Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi

Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa⁽²⁾

Đứng trước thế kỉ XXI này, con người Việt Nam đang đứng trước quá nhiều những đổi thay biến động lớn trong đời sống xã hội. Sự đổi thay không chỉ được nhận rõ ở sự biến mất hay hiện diện mới của các yếu tố, các lĩnh vực mà ở cả nhịp độ và tốc độ thay đổi. Không còn một xã hội “nghìn năm trời cứ trôi”, không còn những không gian tự trị sau lũy tre làng, không còn những khu vực văn hóa Phương Đông hay Phương Tây tồn tại... Con người Việt Nam không chỉ thuộc về một dân tộc mà còn là công dân toàn cầu. Tất nhiên, tiến ra đại dương thế giới, không có nghĩa là mọi giá trị truyền thống bị hòa tan. Phát huy được nội lực con người, khẳng định được bản sắc và bản lĩnh Việt Nam thực sự trở thành một vấn đề cấp thiết. Phật giáo với bản chất là trí tuệ, là từ bi, hi vọng sẽ tiếp tục phát huy vị thế linh hoạt nhạy bén của mình theo phương châm tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam để cùng đồng hành với dân tộc, thực hiện nhiệm vụ sàng lọc và kết tinh những giá trị văn hóa tiên tiến nhưng chắc chắn vẫn là hồn của dân tộc, là cốt lõi Việt Nam./

2. Báo Nhân dân ngày 14/6/1951.